

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		311.853.496.714	326.093.629.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.251.086.329	10.224.908.453
1. Tiền	111		251.086.329	224.908.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.549.600.122	315.848.224.252
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	525.045.300.280	525.791.380.280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	130.583.268.893	131.543.268.893
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	289.826.211	289.826.211
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(354.368.795.262)	(341.776.251.132)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.810.263	20.496.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		608.668	76.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.201.595	20.420.805
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.311.270.579	8.621.623.333
I. Tài sản cố định	220		8.310.212.761	8.619.060.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.310.212.761	8.619.060.967
- Nguyên giá	222		15.377.198.132	15.377.198.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.066.985.371)	(6.758.137.165)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.057.818	2.562.366
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.057.818	2.562.366
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		320.164.767.293	334.715.252.934

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.227.667.080	30.685.857.418
I. Nợ ngắn hạn	310		30.227.667.080	30.685.857.418
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.425.758.169	7.207.894.724
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.666.736.241	4.332.108.240
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	741.948.533	752.630.317
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	10.617.000.000	10.617.000.000
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.937.100.213	304.029.395.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	289.937.100.213	304.029.395.516
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(415.805.529.084)	(401.713.233.781)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(401.713.233.781)	(261.249.683.863)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.092.295.303)	(140.463.549.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		320.164.767.293	334.715.252.934


 Nguyễn Thị Thanh Thúy
 Người lập


 Nguyễn Văn Trung
 Kế toán trưởng


 Trần Thị Yến Chi
 Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2025	Quý II/2024	Lũy kế đến hết 30/06/2025	Lũy kế đến hết 30/06/2024
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	24.000.000	34.197.254.614	75.000.000	55.414.335.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.000.000	34.197.254.614	75.000.000	55.414.335.400
4. Giá vốn hàng bán	11	18	22.364.307	34.024.992.570	44.728.614	55.401.935.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.635.693	172.262.044	30.271.386	12.399.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	47.429.522	50.528.268	94.329.943	115.892.632
7. Chi phí tài chính	22	20	63.013.872	60.769.875	86.027.653	126.737.988
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	585.571
8. Chi phí bán hàng	25		4.515.596	13.546.776	18.062.372	27.093.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	13.325.513.884	41.947.998.219	13.891.327.265	42.960.600.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(13.343.978.137)	(41.799.524.558)	(13.870.815.961)	(42.986.139.502)
11. Thu nhập khác	31	22	-	62.592.313	-	226.228.677
12. Chi phí khác	32	23	176.594.369	224.798.058	221.479.342	1.937.006.048
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(176.594.369)	(162.205.745)	(221.479.342)	(1.710.777.371)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.520.572.506)	(41.961.730.303)	(14.092.295.303)	(44.696.916.873)

2

Ấn
H
Ấn
Ấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố
Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(50=30+40)					
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-	4.318.050.844
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(13.520.572.506)	(41.961.730.303)	(14.092.295.303)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(195)	(605)	(203)
					(707)
					(49.014.967.717)



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng
Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.092.295.303)	(44.696.916.873)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		308.848.206	487.016.156
- Các khoản dự phòng	03		12.592.544.130	40.668.394.010
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.013.872	140.614
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(94.329.943)	(342.121.309)
- Chi phí lãi vay	06		-	585.571
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.222.219.038)	(3.882.901.831)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.674.299.210	(51.200.634.139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	55.308.044.791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		341.725.154	2.257.025.364
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		971.971	4.390.112
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(585.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(863.500.000)	(1.610.480.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.722.703)	874.858.726
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.263.636.364
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		94.329.943	115.892.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.329.943	2.379.528.996
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
0. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.126.666.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.126.666.686)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng
Bảng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50=20+30+40$)	50		25.607.240	127.721.036
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.224.908.453	10.175.244.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		570.636	(140.614)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70=50+60+61$)	70	5	10.251.086.329	10.302.825.347

Nguyễn Thị Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số .

Ch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trọng suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	4.465.623	54.307.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	246.620.706	170.600.916
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.251.086.329	10.224.908.453

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.595.261.492	9.595.261.492
Công ty TNHH TM và đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	131.258.750.000
Công ty Cổ phần thương mại Abavia Việt Nam	166.445.828.800	166.805.828.800
Công ty CP Phát triển phân bón Đình vũ	107.316.072.995	107.316.072.995
Công ty Cổ phần XNK Hà Nội	99.040.155.500	99.050.155.300
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.842.231.493	11.765.311.493
	525.045.300.280	525.791.380.280

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	38.406.500.000	(38.406.500.000)	38.406.500.000	(38.406.500.000)
Công ty Cổ phần TMDV và XNK Trần Trang	21.790.000.000	-	22.150.000.000	-
Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Nội	56.145.000.000	-	56.145.000.000	-
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Bách Việt Hà Nội	6.065.000.000	-	6.665.000.000	-
Trả trước khác	3.710.942.981	(2.242.222.981)	3.710.942.981	(2.242.222.981)
	130.583.268.893	(45.114.548.893)	131.543.268.893	(45.114.548.893)

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.109.589	-	28.109.589	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
	289.826.211	(149.216.622)	289.826.211	(149.216.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***9 . NỢ XẤU**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP XNK Hà Nội	99.040.155.500	49.520.077.750	99.060.155.500	51.031.217.450
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Công ty Cổ phần EEI	210.000.000	-	210.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	-
Al Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	-
ALRVAK LTD	698.436.360	-	698.436.360	-
M/S Blue Park SeaFood SPVT.Ltd	115.260.000	-	115.260.000	-
Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading	76.440.621	-	76.440.621	-
IBer Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	-
Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	-
South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	-
Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	-
Cano Pus Inter - Trade Pte Ltd	149.216.622	-	149.216.622	-
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy	9.595.261.492	-	9.595.261.492	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

<i>Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ</i>	<i>107.316.072.995</i>		<i>107.316.072.995</i>	
<i>Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam</i>	<i>166.445.828.800</i>	<i>112.718.939.690</i>	<i>166.805.828.800</i>	<i>123.729.592.550</i>
<i>Công ty SW Intertrade Trading</i>	<i>4.520.258.250</i>	<i>1.071.800.141</i>	<i>4.486.106.650</i>	<i>1.488.400.111</i>
<i>YonShing Trade Co.Ltd</i>	<i>191.679.004</i>	-	<i>191.679.004</i>	-
<i>Công ty TNHH TM và đầu tư Hoàng Cầu</i>	<i>131.488.750.000</i>	<i>49.089.405.000</i>	<i>131.258.750.000</i>	<i>48.859.405.000</i>
<i>Công ty CP XNK Đức Nguyễn</i>	<i>38.406.500.000</i>	-	<i>38.406.500.000</i>	-
	<u>566.769.017.843</u>	<u>212.400.222.581</u>	<u>566.884.866.243</u>	<u>225.108.615.111</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	-	15.377.198.132
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	-	15.377.198.132
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	3.004.101.221	397.272.773	2.537.764.089	818.999.082	-	6.758.137.165
Trích khấu hao	222.616.778	-	82.190.854	4.040.574	-	308.848.206
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	3.226.717.999	397.272.773	2.619.954.943	823.039.656	-	7.066.985.371
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	8.210.862.861	-	396.076.364	12.121.742	-	8.619.060.967
Tại ngày 30/06/2025	7.988.246.083	-	313.885.510	8.081.168	-	8.310.212.761

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.325.481.633 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
CN Công ty CP vật tư và XNK hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
Fagro Internatoinal Trading Fze	3.211.017.654	3.211.017.654	3.124.322.623	3.124.322.623
Các khoản phải trả khác	1.024.347.715	1.024.347.715	893.179.301	893.179.301
	7.425.758.169	7.425.758.169	7.207.894.724	7.207.894.724

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	23.167.899	1.920.000	25.087.899	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.161.930.844	-	863.500.000	-	1.298.430.844
Thuế Thu nhập cá nhân	-	304.254	1.893.639	2.077.081	-	120.812
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.146.705.243	221.479.342	-	-	2.368.184.585
	-	4.332.108.240	229.292.981	894.664.980	-	3.666.736.241

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

007
ÔN
Ổ P
T NH
JAN
RANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	459.824	11.141.608
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ đô	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
	741.948.533	752.630.317

a

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
- Vay cá nhân	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(i) Vay cá nhân: Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2024							
Tại ngày 01/01/2024	693.299.280.000		(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434	
Lãi/lỗ trong 6 tháng đầu năm 2024	-		-	-	(49.014.967.717)	(49.014.967.717)	
Phân phối lợi nhuận	-		-			-	
Tại ngày 30/06/2024	693.299.280.000		(3.249.100.000)	15.692.449.297	(310.264.651.580)	395.477.977.717	
6 tháng đầu năm 2025							
Tại ngày 01/01/2025	693.299.280.000		(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516	
Lãi/lỗ trong 6 tháng đầu năm 2025	-		-	-	(14.092.295.303)	(14.092.295.303)	
Tại ngày 30/06/2025	693.299.280.000		(3.249.100.000)	15.692.449.297	(415.805.529.084)	289.937.100.213	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025		Tỷ lệ (%)	01/01/2025		Tỷ lệ (%)
	VND			VND		
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000		13,27%	92.005.790.000		13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000		86,73%	601.293.490.000		86,73%
	693.299.280.000		100%	693.299.280.000		100%



Handwritten signature.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	15.692.449.297	15.692.449.297

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**c) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.093,30	1.124,99

17 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	55.321.183.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.000.000	93.151.600
	75.000.000	55.414.335.400

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	55.308.044.791
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.728.614	93.890.842
	<u>44.728.614</u>	<u>55.401.935.633</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	94.329.943	115.892.632
	<u>94.329.943</u>	<u>115.892.632</u>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26.)	-	-

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	585.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	86.027.653	126.152.417
	<u>86.027.653</u>	<u>126.737.988</u>

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	20.822.688	25.012.547
Chi phí nhân công	622.653.730	1.099.914.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.057.220	385.481.762
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	12.592.544.130	40.668.394.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.249.497	712.086.605
Chi phí khác bằng tiền	-	69.710.564
	<u>13.891.327.265</u>	<u>42.960.600.361</u>

Ch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

22 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	226.228.677
	-	226.228.677

23 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản chi phí khác	221.479.342	1.937.006.048
	221.479.342	1.937.006.048
Hoàn nhập thuê thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
	-	-

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.822.688	25.012.547
Chi phí nhân công	622.653.730	1.099.914.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.848.206	487.016.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.249.497	712.086.605
Chi phí khác bằng tiền	-	89.160.564
Chi phí dự phòng	12.592.544.130	40.668.394.010
	13.954.118.251	43.081.584.755

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu.97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho quý II/2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

	Mối quan hệ	<u>6 tháng đầu năm 2025</u>	<u>6 tháng đầu năm 2024</u>
		VND	VND
Vay tiền		10.617.000.000	10.617.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó TGĐ đối ngoại đến ngày 18/03/2024	10.617.000.000	10.617.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT đến ngày 21/07/2022	-	79.153.495
2	Vũ Thị Dương	Chủ tịch HĐQT đến ngày 22/06/2024	-	121.940.884
3	Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/06/2024	111.430.818	-
4	Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	-	77.385.706
5	Trần Thị Thu Trang	Thành viên ban kiểm soát	67.103.293	68.952.811
6	Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	65.675.033	70.984.362
7	Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD đối ngoại đến ngày 18/03/2024	-	67.055.804
8	Lê Thị Hiệp	Trưởng ban kiểm toán nội bộ	6.000.000	6.000.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn UHY và báo cáo tài chính quý II/2024 của Công ty CP XNK Quảng Bình.

Nguyễn Thị Thanh Thúy
Người lập

Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2025